

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI TÔN GIÁO VÀ NHÂN SĨ, TRÍ THỨC THỜI LẬP NƯỚC

NGUYỄN XUYẾN

Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là tấm gương mẫu mực của sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng. Người không hề có sự phân biệt đối xử giữa tôn giáo này và tôn giáo khác, giữa người có đạo và người không có đạo. Tư tưởng đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo là tư tưởng nhất quán và trở thành chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Ngay sau khi nước nhà vừa giành được độc lập, tại cuộc họp Hội đồng Chính phủ lâm thời ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định một trong 6 nhiệm vụ của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”(1).

Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam độc lập do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo soạn thảo, đã khẳng định quyền tự do tín ngưỡng là quyền tự nhiên của người Việt Nam. Người nghiêm khắc phê phán những biểu hiện vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, quan tâm giáo dục cán bộ chính quyền, quân đội và các đoàn thể phải tôn trọng tự do tín ngưỡng, bảo vệ đền chùa, nhà thờ các tôn giáo.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng bào lương hay giáo đều là người Việt Nam, đều là người lao động và sự nghiệp cách mạng là việc lớn, là sự nghiệp chung không phải chỉ của một hai người. Người kêu gọi: “Lương giáo đoàn kết, toàn dân đoàn kết, cả nước một lòng, nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi trong công cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc, và xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”(2).

Người còn nói: “Nước không độc lập thì

tôn giáo không được tự do, nên chúng ta phải làm cho nước độc lập đã”(3). Người dạy: “Ngày nay, đồng bào cả nước, giáo và lương, đều đoàn kết chặt chẽ, nhất tâm nhất trí như con một nhà, cương quyết giữ vững tự do, độc lập...”(4).

Tư tưởng đoàn kết lương - giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện sinh động trên thực tế, đặc biệt rõ nét trong Quốc hội và Chính phủ. Cơ cấu thành phần của Ban Thường trực Quốc hội khóa I và Chính phủ mới (1946) đã phản ánh rõ khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết đồng bào các tôn giáo. Nhiều đại biểu các tôn giáo đã được vinh dự đứng trong đội ngũ của hơn 300 đại biểu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đức tin tôn giáo và lòng yêu nước không hề mâu thuẫn mà ngược lại còn gắn bó chặt chẽ với nhau. Tư tưởng đoàn kết tôn giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh rõ ràng nổi lên quan điểm bỏ qua những dị biệt nhỏ để giữ cái tương đồng lớn; vượt qua những khác biệt về đức tin, lối sống... để giữ lấy tình đoàn kết dân tộc, giữ lấy mục tiêu độc lập, tự do, hạnh phúc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo không chỉ xuất phát từ thực tế đất nước, truyền thống đoàn kết của dân tộc, từ tinh hoa văn hóa dân tộc, từ lý luận Mác - Lênin xem cách mạng là sự nghiệp của quần chúng... mà còn là tình cảm yêu thương, lòng nhân ái của Người với đồng bào các tôn giáo. Tấm lòng ấy là bản sắc Hồ Chí Minh luôn biết hòa vào quần chúng, hiểu họ yêu gì, ghét gì và mong muốn điều gì.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc có một ý nghĩa rất to lớn. Nó đã trở thành cơ sở cho việc hình thành chính sách tôn giáo của Đảng và Chính phủ ta trong các giai đoạn cách

mạng của nước ta nhằm phát huy được mặt tích cực của đạo đức tôn giáo trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

Kể từ luận cương cách mạng tư sản dân quyền năm 1930 đến Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và trong các bản Hiến pháp của nước ta, Đảng và Nhà nước ta đều nhất quán tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự do tín ngưỡng và đoàn kết tôn giáo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một đại trí thức, một danh nhân văn hóa thế giới, một thiên tài của thế kỷ XX. Vấn đề trí thức luôn là vấn đề được Người hết sức quan tâm với những quan điểm thiết thực, cụ thể. Người luôn đặt niềm tin và trọng dụng tầng lớp trí thức ưu tú của dân tộc, tạo điều kiện cho họ được cống hiến, được thể hiện đầy đủ nhất tài năng và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp chung của đất nước.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Người nói: “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết thì phải có nhân tài. Chính sách của Chính phủ trước sau vẫn là đại đoàn kết. Đối với các vị quan lại cũ, cũng như đối với tất cả các giới đồng bào, những người có tài có đức thì Chính phủ đều hoan nghênh ra gánh vác việc nước”(5).

Bác Hồ không hề có định kiến với trí thức, kể cả trí thức đã phục vụ trong bộ máy của thực dân Pháp. Điều này thấy rất rõ ở thành phần nội các Chính phủ lâm thời năm 1945 gồm 15 thành viên do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch kiêm Ngoại giao; Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ... và các nhân sĩ, trí thức ngoài Đảng Cộng sản như: Dương Đức Hiền, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Văn Tố, Vũ Trọng Khánh, Vũ Đình Hòe, Đào Trọng Kim...

Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa 1 (3/1946) đã bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ và đã công nhận Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến do Người đệ trình, trong đó có Huỳnh Thúc Kháng: Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Phan Anh: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đặng Thai Mai: Bộ trưởng Bộ Giáo dục; Vũ Đình Hòe: Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Trần Đăng Khoa: Bộ trưởng Bộ Giao thông - Công chính...(6)

Bác Hồ luôn coi đội ngũ trí thức là động lực

thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Chỉ trong vòng một năm sau Cách mạng tháng Tám 1945, Người đã hai lần viết bài đăng báo tìm nhân tài cho sự nghiệp phục hưng dân tộc. Có thể xem bài “Tìm người tài đức” của Bác, ngày 20/11/1946 là chiếu cầu hiền của cách mạng, với những lời lẽ chân thành, lay động con tim của những người trí thức.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng, một trí thức yêu nước có uy tín lớn trước Cách mạng tháng Tám 1945 đã được Bác Hồ cho người đem thư mời cụ ra Hà Nội tham gia việc nước. Cụ quyết không nhận một chức vụ gì, thế mà gặp Bác Hồ, cụ Huỳnh đã nhận làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Cụ Huỳnh tâm sự: “Chí thành, năng động, tấm lòng thành của Cụ Hồ làm đá cũng phải chuyển, huống là tôi”(7).

Năm 1946, sang thăm Pháp, Bác Hồ trao Quyền Chủ tịch nước cho cụ Huỳnh. Đó là niềm tin lớn lao của Bác vào một trí thức ngoài Đảng, nhưng có lòng yêu nước.

Nhờ tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều nhân sĩ, trí thức, quan lại trong triều đình cũ, trong Chính phủ Trần Trọng Kim, trong đó có Khâm sai đại thần Phan Kế Toại đã đi theo cách mạng và đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tín nhiệm, giao nhiều trọng trách trong Chính phủ. Năm 1947, Người cho mang thư đến mời Phan Kế Toại đang sơ tán ở Thanh Lũng, Sơn Tây lên chiến khu Việt Bắc tham gia Chính phủ. Trọng trách đầu tiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho Phan Kế Toại là Quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ (1947), Ủy viên Hội đồng Quốc phòng tối cao (1948), Bộ trưởng Bộ Nội vụ (1951). Ngày 20/9/1955, Phan Kế Toại giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong hai nhiệm kỳ (1955-1958), (1958-1961). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giúp Phan Kế Toại thực thi lòng yêu nước.

Trong phiên họp Hội đồng Chính phủ ngày 14/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng Chính phủ cử một Ban cố vấn gồm 10 vị giúp việc cho Chủ tịch nước. Người giới thiệu danh sách 6 vị để Hội đồng Chính phủ cho ý kiến: Cụ Bùi Bằng Đoàn, giáo sĩ Lê Hữu

Từ, cụ Ngô Tử Hạ, cụ Bùi Kỳ, cụ Lê Tại và bác sĩ Nguyễn Đình Luyện. Trong đó, cụ Bùi Bằng Đoàn, từ một vị quan đại thân dưới triều đình phong kiến, đã nhận rõ đường lối cách mạng của Đảng và mên mộ tài đức, uy tín lớn lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nguyện đem sức lực, tài năng của mình ra phụng sự đất nước. Cụ lần lượt được Đảng và Hồ Chủ tịch giao nhiều chức vụ quan trọng: Cố vấn Chủ tịch nước; Trưởng ban Thanh tra đặc biệt; Trưởng ban Thường trực Quốc hội từ tháng 11/1946 cho đến khi cụ tạ thế, tháng 4/1955.

Trên thực tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát hiện, đào tạo, cảm hóa, trọng dụng nhiều nhà trí thức, nhân tài như: Huỳnh Thúc Kháng, Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, Phan Anh, Đặng Thai Mai, Nguyễn Văn Tố...; những nhà khoa học nổi tiếng như: GS Nguyễn Văn Huyền, GS Tạ Quang Bửu, GS Hồ Đắc Di, GS Tôn Thất Tùng, GS Hoàng Minh Giám, GS Trần Đại Nghĩa, TS Lương Định Của, GS-VS Nguyễn Khánh Toàn. GS Đặng Văn Ngữ, GS Nguyễn Xiển, GS Hoàng Xuân Hãn, KTS Huỳnh Tấn Phát, BS Phạm Ngọc Thạch, Luật sư Phan Anh, BS Trần Duy Hưng, nhà thơ Cù Huy Cận...; những nhà chính trị, quân sự tài ba như: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... mỗi người một hoàn cảnh, nhưng tất cả đều tin phục Chủ tịch Hồ Chí Minh để rồi một lòng một dạ đi theo cách mạng và đã đóng góp phân tích cực nhất của đời mình cho đất nước.

Một sự kiện có ý nghĩa rất lớn khẳng định sự quan tâm chí tình của Bác Hồ đối với tầng lớp trí thức, đó là việc sáng lập Đảng Xã hội Việt Nam (22/7/1946) để họ có một tổ chức thích hợp cho việc đoàn kết, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng cao cả của dân tộc.

Có nhiều câu chuyện cảm động có thể minh họa cho sức cảm hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh với trí thức. Luật sư Phan Anh thì “rất xúc động và cảm kích trước tâm lòng nhân hậu và bao dung của Bác. Vì thấy Bác không lấy việc tôi đã tham gia Chính phủ Trần Trọng Kim thân Nhật làm điều, mà vẫn cho tôi là một trí thức yêu nước và trọng dụng”(8). Giáo sư

Hồ Đắc Di bị lọt vào vòng vây của giặc Pháp khi chúng đánh lên Việt Bắc tháng 10/1947, đã có thái độ dứt khoát: “Không, tôi không thể nào phụ lòng Hồ Chủ tịch... Cuộc sống ở vùng căn cứ kháng chiến lắm gian nan, nhưng ở đây tôi tìm thấy sự thanh thản trong lương tâm người trí thức”(9). Giáo sư Tôn Thất Tùng kể, sau một lần thăm bệnh Bác Hồ: “Từ cuộc gặp gỡ đầu tiên đó, tâm hồn tôi đã chuyển biến theo cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng của đôi mắt Bác Hồ”(10).

Có lần, Bác Hồ chọn kỹ sư Đặng Phúc Thông làm Bộ trưởng Bộ Giao thông - Công chính, nhưng ông Đặng Phúc Thông xin làm Thứ trưởng để được đi sâu vào chuyên môn. Bác nói: “Bản không nên, phải đền đàn, chú phải đề cử một vị Bộ trưởng thay chủ”. Ông Đặng Phúc Thông đề cử kỹ sư Trần Đăng Khoa, và Bác đã chấp nhận ngay.

Khi ở Việt Bắc, ông Đặng Phúc Thông đau phổi, Bác gửi tặng một chiếc áo len cao cổ với một bài thơ xiết bao ân tình:

“Tết nhất năm nay hoãn thị xôi
Tết sau thắng lợi sẽ đền bồi.
Áo bạn biểu tôi, tôi biểu chú.

Chú mang cho ấm cũng như tôi”(11).

Tấm lòng của Bác Hồ đối với trí thức là như thế. Các trí thức và nhân sĩ được Người tin yêu trọng dụng đã cống hiến hết mình cho sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 1995, Tập 4, tr.9-67.
2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Sự thật, H, Tập 9, tr.779.
3. *Báo Cứu quốc*, ngày 14/1/1946.
4. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Sự thật, H, 1984, Tập 4, tr.67.
5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Sự thật, H, 1984, Tập 2.
6. *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 6/2013.
7. *Báo Nhân dân cuối tuần*, số 13, ngày 1/4/2001.
8. *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số tháng 12/1998.
- 9,10. *Các nhà khoa học Việt Nam hiện đại*, Nxb Khoa học Kỹ thuật, H, 1990, Tập 1.
11. *Báo Lao động*, số 3532, ngày 17/5/1990.